

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
1. Phạm vi cung cấp		
a. Chung loại cung cấp	Nhà thầu đề xuất cung cấp đầy đủ theo đúng chủng loại hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu tại Mục 1 Chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Nhà thầu đề xuất cung cấp không đúng chủng loại theo Mục 1 Chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Không đạt
b. Số lượng	Hàng hóa chào thầu có khối lượng theo Mục 1 Chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Hàng hóa chào thầu có khối lượng không đáp ứng theo Mục 1 Chương V - Yêu cầu kỹ thuật	Không đạt
2. Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa		
Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa.	Có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý.	Đạt
	Không có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa hợp lý và hiệu quả kinh tế.	Không đạt
3. Đặc tính kỹ thuật của hàng hoá		
Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá	- Cam kết hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất từ năm 2025 trở lại đây, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. - Nhà thầu có bảng chào kỹ thuật đầy đủ thông số kỹ thuật: Tên hàng hóa,	Đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	model (hoặc ký mã hiệu nếu có), xuất xứ, đặc tính kỹ thuật đối với các vật tư thiết bị chính trong gói thầu. - Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa được chào thầu đáp ứng các yêu cầu của E-HSMT, có đầy đủ các tài liệu chứng minh theo yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	
	Không đáp ứng được yêu cầu	Không đạt
4. Tiến độ cung cấp hàng hoá		
Bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Có bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hoá nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	Không đạt
Thời gian thực hiện hợp đồng	≤ 60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Đạt
	> 60 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	Không đạt
5. Bảo dưỡng, bảo hành		
5.1 Thời gian Bảo hành, bảo trì và các cam kết trong thời gian bảo hành	- Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ khi hàng hóa được bàn giao, nghiệm thu và đáp ứng theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất.	Đạt
	- Thời gian bảo hành: < 12 tháng kể từ khi hàng hóa được bàn giao,	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
	nghiệm thu hoặc không đáp ứng theo thời gian bảo hành của nhà sản xuất. Nhà thầu không có phương án bảo hành, đổi trả hàng hóa hoặc có nhưng không hợp lý, phù hợp.	
5.2. Dịch vụ sau bán hàng	- Nhà thầu phải có cam kết bảo hành sản phẩm thể hiện rõ và đầy đủ các hạng mục sau: + Phương thức liên hệ nhà thầu khi hàng hóa gặp hư hỏng (bằng văn bản, email, điện thoại...). + Trong thời hạn bảo hành, sau thời gian không quá 48 giờ làm việc kể từ khi đại diện Chủ đầu tư liên hệ với đại diện bên nhà thầu để sửa chữa mà nhà thầu không có người đến kiểm tra và sửa chữa thì nhà thầu phải chịu mọi khoản chi phí mà bên Chủ đầu tư đã thanh toán cho đơn vị sửa chữa khác.	Đạt
	Không đáp ứng 1 trong các yêu cầu trên	Không đạt
6. Uy tín của nhà thầu		
Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng từ ngày 01/01/2021 trở lại đây đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày	Có cam kết kèm theo và đáp ứng yêu cầu	Đạt
	Không có cam kết kèm theo hoặc không đáp ứng yêu cầu	Không đạt

Nội dung đánh giá		Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt
04/08/2025. Nhà thầu có cam kết kèm theo.		
7. Yêu cầu cần thiết khác		
	Nhà thầu cam kết đáp ứng toàn bộ các yêu cầu kỹ thuật tại chương V, E-HSMT.	Đạt
	Nhà thầu Không có cam kết	Không đạt
Kết luận⁽¹⁾		Đạt/ Không đạt